

Số: 236 /BKS – DVKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2020
CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Kính gửi:

- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power);
- Quý Cổ đông Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN.

I. Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (Luật Doanh nghiệp);
- Điều lệ Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Quy chế số 39/BKS-DVKT ngày 17/1/2020 quy định tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Quyết định số 982/QĐ-ĐLĐK ngày 13/9/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý vốn của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đầu tư vào doanh nghiệp khác (Quy chế 982).

II. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty/PV Power Services) xin báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2019 tại PV Power Services với các nội dung sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh (SXKD); tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (theo Luật Doanh nghiệp);
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (theo Luật Doanh nghiệp);
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, các văn bản chỉ đạo, chủ trương, chính sách của PV Power của Người đại diện PV Power tại doanh nghiệp (theo Quy chế 982).

Tại thời điểm báo cáo, PV Power Services đã công bố Báo cáo Tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật Kế toán, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế

toán, chính sách tài chính của Nhà nước, Điều lệ và Quy chế quản lý Tài chính của Công ty và các tài liệu liên quan được công ty công bố công khai và/hoặc cung cấp cho Ban Kiểm soát theo quy định để thực hiện theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, đối chiếu với số liệu hạch toán để đưa ra đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng về tình hình SXKD của Công ty trong năm 2019. Ban Kiểm soát cho rằng công việc thẩm định, đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình được quy định tại Điều lệ Công ty.

Đối với hoạt động đầu tư/mua sắm, sử dụng các nguồn lực phục vụ SXKD của Công ty, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị, điều hành, do đó Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp để đưa ra các ý kiến đánh giá, nhận xét và/hoặc kiến nghị hoàn thiện.

III. Kết quả kiểm soát:

1. Về hoạt động kinh doanh, tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính:

1.1. Huy động, sử dụng vốn:

Số TT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số cổ phần	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power)	51%	7,650,000	76,500,000,000
2	YTL Power Service Sdn.Bhd (YTL PS)	18%	2,700,000	27,000,000,000
3	Cổ đông khác	31%	4,650,000	46,500,000,000
	Cộng	100%	15,000,000	150,000,000,000

Lưu ý:

- Cổ đông PV Power và YTL PS là các cổ đông sáng lập, được quản lý giao dịch cổ phiếu theo hình thức “hạn chế chuyển nhượng”, thực hiện chế độ báo cáo giao dịch trực tiếp với cơ quan quản lý chứng khoán là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);
- Cổ đông America LLC thuộc nhóm cổ đông khác thông qua giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán đã nắm giữ trên 5% tổng số cổ phiếu của PV Power

Services, trở thành cổ đông lớn của PV Power Services và cũng chịu sự quản lý giao dịch trực tiếp của HNX theo phương thức “hạn chế chuyển nhượng”, mức nắm giữ này được duy trì và phát triển trên 3 kỳ kinh doanh 2017 – 2019 của PV Power Services với mức nắm giữ cổ phiếu PV Power Services của America LLC hiện tại 12,11% tổng số cổ phiếu của PV Power Services. Tính đến thời điểm báo cáo, chúng tôi chưa nhận được các thông tin liên quan đến việc giao dịch cổ phiếu của cổ đông này.

- **Tiền, tương đương tiền:** theo số liệu kiểm kê tại thời điểm 31/12/2019, tổng cộng các khoản tiền và tương đương tiền là: **31,935,878,728 VND**, bao gồm:
 - + **Tiền mặt:** 270.616.436 VND;
 - + **Tiền gửi không kỳ hạn tại các Ngân hàng:** 4.665.262.292 VND;
 - + **Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng:** 27.000.000.000 VND.
 - **Đầu tư tài chính ngắn hạn:** 5.170.000.000 VND.
 - Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đại dương đang hạn chế giao dịch theo yêu cầu của các Ngân hàng Nhà nước, Công ty vẫn được ghi nhận doanh thu tài chính theo mức lãi tiền gửi có kỳ hạn.
 - **Phải thu ngắn hạn của khách hàng:** Tại thời điểm 31/12/2019, giá trị phải thu ngắn hạn từ khách hàng là: **355.100.473.774 VND**, bao gồm:

+ Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau:	15.417.426.318 VND
+ Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch:	194.277.260.058 VND
+ Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2:	111.227.827.158 VND
+ Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh:	28.411.205.916 VND
+ Công ty CP Thủy điện Đakrinh:	88.470.553 VND
+ Công ty Thủy điện Hòa Na:	754.834.560 VND
+ Công ty CP TM&DV Dầu khí Biển:	1.039.597.915 VND
+ Các khách hàng khác:	3.883.851.296 VND
- Trả trước cho người bán ngắn hạn:	892.461.121 VND
- Phải thu ngắn hạn khác:	1.952.907.150 VND
- Hàng tồn kho:	18.909.997.680 VND
- Phải thu dài hạn:	37.860.000 VND
- Tài sản cố định:	27.579.229.469 VND
- Đầu tư tài chính dài hạn (vốn góp cổ phần tại PAIC):	5.040.000.000 VND
- Tài sản dài hạn khác:	26.678.929.308 VND
<i>Trong đó Chi phí thuê Văn phòng Hà Nội:</i>	<i>24.119.686.741 VND</i>
- Tổng tài sản:	473.297.737.230 VND

Giá trị Tổng tài sản trên Báo cáo tài chính năm 2019 sau kiểm toán giảm 2.481,43 tỷ VND so với số liệu đã phản ánh trong Báo cáo tài chính Quý 4/2019 (2.954,72 tỷ VND). Nguyên nhân do Công ty thực hiện điều chỉnh giảm giá trị hàng tồn kho tương ứng với giảm công nợ phải trả đối hàng hóa/thiết bị của Nhà thầu OEM

Siemens và đã được giải trình cụ thể với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại công văn số 174/DVKT-TCKT ngày 30/3/2020 về việc công bố Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính 2019. Như vậy, tại thời điểm báo cáo, PV Power Services đã hoàn thành việc thực hiện theo các kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước cũng như các ý kiến khuyến nghị của cổ đông lớn là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- CTCP.

Ban Kiểm soát đánh giá, Báo cáo tài chính năm 2019 đã được lập theo nguyên tắc thận trọng, hợp lý, phản ánh đúng tình hình vốn và tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2019, phù hợp với các quy định của chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành. Ban Kiểm soát thống nhất với các ý kiến đã nêu trong Báo cáo kiểm toán độc lập của Kiểm toán viên.

1.2. Tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2019 và một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2019:

1.2.1 Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

a. Doanh thu: Doanh thu thuần năm 2019 thực hiện được 213,48/223,13 tỷ đồng, tương đương 96% kế hoạch SXKD năm 2019. Trong đó:

- Doanh thu trực tiếp tại các nhà máy điện Cà Mau, Nhơn Trạch, Vũng Áng: 191,5 tỷ đồng, chiếm 90% tổng doanh thu thực hiện, tương đương 86% tổng doanh thu kế hoạch 2019, đạt trên 99% kế hoạch theo hạng mục tương ứng;
- Doanh thu thực thanh – thực chi, nhà thầu phụ: 2,07 tỷ đồng, chiếm 1% doanh thu thực hiện (không dự kiến phát sinh trong kế hoạch 2019);
- Doanh thu dịch vụ ngoài (bao gồm Chi nhánh Đà Nẵng): 19,88 tỷ đồng chiếm 9% doanh thu thực hiện, tương đương 66% kế hoạch theo hạng mục tương ứng

Nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành kế hoạch doanh thu chủ yếu do:

- + *Không phát sinh doanh thu được ghi nhận từ các hoạt động sửa chữa định kỳ (tiểu tu) tại Nhà máy điện Cà Mau 1&2 như đã dự kiến trong kế hoạch;*
- + *Chưa được ghi nhận giá trị thực hiện sửa chữa thường xuyên (SCTX) trong năm 2019 của Hợp đồng LGMT02C Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh do quy trình nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành của Chủ đầu tư kéo dài;*
- + *Doanh thu thực hiện tại Chi nhánh Đà Nẵng chỉ đạt 81% kế hoạch được giao do tiến độ thực hiện một số hạng mục công việc thay đổi so với kế hoạch dự kiến.*

Ban Kiểm soát đánh giá các hoạt động dịch vụ sửa chữa hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện tại Cà Mau, Nhơn Trạch, Vũng Áng được duy trì ổn định, cơ bản đã hoàn thành kế hoạch SXKD 2019. Công tác phát triển dịch vụ tuy không đạt theo kế hoạch đề ra nhưng phải ghi nhận những nỗ lực Công ty trong việc sử dụng triệt để năng lực sản xuất hiện có của Công ty trong công tác tìm kiếm thị trường/công việc và đã có những chuyển biến tích cực, cụ thể: Doanh thu thực hiện từ công tác phát triển dịch vụ (bao gồm cả hoạt động SXKD tại Đà Nẵng) tăng 16 % mức thực hiện trong năm 2018, trong đó:

- Ký hợp đồng LGMT02C về việc thực hiện công tác SCTX tại Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh, Công ty đã triển khai thực hiện thêm một số hạng mục sửa chữa định kỳ với tổng giá trị được ghi nhận năm 2019 là 2,23 tỷ đồng;
- Doanh thu thực hiện tại Chi nhánh Đà Nẵng tăng 51% so với năm 2018;
- Công ty cũng đã tiếp cận, ký kết và thực hiện thành công Hợp đồng với một khách hàng mới là Công ty CP Maxtrust Việt Nam để thực hiện dịch vụ sửa chữa tại Nhà máy điện Nông Sơn với doanh thu được ghi nhận là 1,3 tỷ đồng;
- Công ty cũng đã làm việc với Chủ đầu tư để hoàn thiện, rút ngắn quy trình nghiệm thu công việc tại Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh, đồng thời tăng cường nhân sự hỗ trợ thu thập, tổng hợp chứng từ phục vụ nghiệm thu, thanh toán.

b. Chi phí sản xuất kinh doanh: Tổng chi phí được ghi nhận vào giá thành SXKD trong kỳ là 195,25/211,33 tỷ đồng tương đương 92% kế hoạch SXKD 2019, trong đó:

- Chi phí thực hiện tại Cà Mau, Nhơn Trạch, Vũng Áng và chi phí quản lý văn phòng Công ty là: 174,23/183,73 tỷ đồng, tương đương 95% kế hoạch SXKD 2019;
- Chi phí thực hiện các dịch vụ ngoài (bao gồm Chi nhánh Đà Nẵng) là 18,85/27,6 tỷ đồng, tương đương 68% kế hoạch SXKD 2019.

Chi phí SXKD giảm so với kế hoạch do tác động của các yếu tố sau:

- + Sự sụt giảm lao động từ đầu năm 2019 là nguyên nhân chính làm giảm chi phí nhân công và các chi phí liên quan như chi phí thường an toàn điện, chi phí bảo hộ lao động. Cụ thể: Số lượng lao động tại thời điểm 01/1/2019 là 561 người và tại thời điểm 31/12/2019 là 471 người, giảm 90 người tương đương 16% so với đầu năm;
- + Chi phí khấu hao 15,62 tỷ đồng, tương đương 89% kế hoạch SXKD 2019 (giảm 11%) do một số thiết bị, tài sản đã hết thời gian trích khấu hao, đồng thời Công ty cũng hạn chế mua sắm, đầu tư mới;
- + Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, Công ty áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí như sắp xếp lại lao động gián tiếp, ban hành quy chế trả lương theo vị trí công việc và mức độ đáp ứng công việc, thắt chặt việc sử dụng, tiêu hao chi phí văn phòng, chi phí hoạt động Công ty.....

Một số chỉ tiêu chi phí đã được tiết giảm gồm:

- + Chi phí nhân công: 110,7/119,8 tỷ đồng, tương đương 92% kế hoạch SXKD 2019 (giảm 8%);
- + Chi phí bảo hộ lao động: 5,61/6,5 tỷ đồng, tương đương 88% kế hoạch SXKD 2019 (giảm 12%);
- + Chi phí tuyển dụng, đào tạo: 0,86/1 tỷ đồng, tương đương 86% kế hoạch SXKD 2019 (giảm 14%);
- + Chi phí vật tư tiêu hao phục vụ quản lý (nhiên liệu, văn phòng phẩm...): 2,16/2,31 tỷ đồng, tương đương 93% kế hoạch SXKD 2019 (giảm 7%).

c. Lợi nhuận trước thuế:

Với mức giảm chi phí trong kỳ (8%) cao hơn mức giảm về doanh thu (4%) nên lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2019 là 18,37/11,79 tỷ đồng, vượt 56% kế hoạch năm 2019.

1.2.2 Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2019:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019
I	CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI		
1	Suất sinh lời của tổng tài sản (ROA)	%	2,97%
2	Suất sinh lời của chủ sở hữu (ROE)	%	7,60%
3	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	8,55%
II	CÁC HỆ SỐ HOẠT ĐỘNG		
1	Vòng quay nợ phải thu	lần	0,56
2	Thời gian phải thu trung bình	Ngày	646,65
3	Vòng quay tổng tài sản	lần	0,12
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	0,87
5	Vòng quay vốn lưu động	lần	0,13
6	Hiệu suất sử dụng vốn cố định	lần	3,23
III	CÁC HỆ SỐ CƠ CẤU VỐN		
1	Hệ số bảo toàn vốn ($H = \frac{VCSH\ CK}{VCSH\ ĐK}$)	lần	0,99
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	0,39
3	Hệ số nợ tài sản	%	0,61
IV	CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN		
1	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,44
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,38
3	Hệ số nợ phải thu/nợ phải trả ngắn hạn	%	124%

1.3. Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động:

Tổng số CBCNV của PV Power Services tại thời điểm 31/12/2019 là 471 người, giảm 90 người so với thời điểm 01/01/2019 (561 người) do nhu cầu thay đổi môi trường làm việc hoặc không còn nhu cầu làm việc tại Công ty của cá nhân của người lao động.

- Quỹ tiền lương 2019 (chưa bao gồm các khoản trích nộp theo lương) được quyết toán: 100 tỷ đồng, tương đương 100% Kế hoạch 2019 giảm 3% so với quỹ lương thực hiện 2018;
- Chi phí tiền lương đã xác định trong giá thành 2019: 98,7 tỷ đồng đạt 98%, trong đó:
 - + Chi phí tiền lương của Người lao động: 94,93 tỷ đồng;
 - + Chi phí tiền lương làm thêm giờ: 0,064 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân của Người lao động: 17,13 triệu đồng/người tháng;
- Các biện pháp quản lý lao động, tiền lương được áp dụng trong năm 2019 gồm:
 - + *Xác lập cơ chế chi trả lương theo vị trí và năng lực đáp ứng công việc được giao thông qua Quy chế trả lương cho CBCNV ban hành theo Quyết định số 36/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 19/3/2019 của Hội đồng quản trị;*
 - + *Xác lập phương thức đánh giá hiệu quả công việc cho từng bộ phận, cá nhân người lao động làm cơ sở chi trả lương hiệu quả và đánh giá năng lực người lao động bằng Quy chế quản lý hiệu quả công việc ban hành theo Quyết định số 37/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 19/3/2019 của Hội đồng quản trị;*
 - + *Xác lập định biên lao động năm 2019 thông qua Nghị quyết số 54/QĐ/DVKT-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 09/4/2019.*

Trong năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống thang, bảng lương áp dụng toàn Công ty và thực hiện việc kê khai, đóng bảo hiểm bắt buộc cho cán bộ công nhân viên với cơ quan BHXH chuyên quản tại địa phương.

1.4. Những vấn đề cần lưu ý trong kỳ sản xuất kinh doanh 2019:

- Hệ số nợ phải thu ngắn hạn từ khách hàng/Vốn chủ sở hữu là 192%, Giá trị nợ chiếm 75% giá trị tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2019, phản ánh vốn kinh doanh còn tồn đọng trong khách hàng khá cao, ảnh hưởng đến tốc độ luân chuyển của vốn SXKD của Công ty;
- Hệ số bảo toàn vốn năm 2019 ($H=0,99$) tuy đã cao hơn so với năm 2018 ($H=0,97$) nhưng chỉ ở mức tiệm cận dưới so với mức an toàn tối thiểu ($H=1$).

2. Đánh giá việc ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

2.1. Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành một số Quy chế phục vụ cho công tác quản lý/quản trị Công ty, bao gồm:

- Quy chế hoạt động phòng cháy và cứu nạn, cứu hộ ban hành theo Quyết định

- số 20/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 15/2/2019;
- Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền ban hành theo Quyết định số 31/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 13/3/2019;
 - Quy chế trả lương cho CBCNV ban hành theo Quyết định số 36/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 19/3/2019;
 - Quy chế quản lý hiệu quả công việc ban hành theo Quyết định số 37/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 19/3/2019;
 - Quy chế thưởng an toàn (bổ sung) ban hành theo Quyết định số 143/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 26/9/2019;
 - Quy chế quản lý hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật ban hành theo Quyết định số 189/QĐ/HĐQ – DVKT ngày 13/11/2019.

Các nghị quyết/chỉ thị của Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo một số nội dung chủ yếu sau:

- Thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo của Công ty mẹ, kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty, khuyến nghị của các cơ quan quản lý chức năng;
- Quyết nghị về công tác cán bộ theo đề xuất của ban điều hành;
- Chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn...;
- Kiểm tra, phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh định kỳ Quý/Năm của Ban Giám đốc.

Ban Kiểm soát đánh giá hệ thống văn bản pháp lý phục vụ quản lý, quản trị doanh nghiệp đã được Công ty ban hành về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị nội bộ. Việc triển khai nghị quyết, chỉ đạo điều hành bám sát vào hoạt động thực tiễn của Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với chủ trương, chính sách của Công ty mẹ, có quy định tiến độ thực hiện cụ thể. Tuy nhiên, kết thúc năm tài chính 2019, còn tồn tại một số vấn đề sau:

- + Quy chế quản lý hiệu quả công việc đã có hiệu lực thi hành nhưng vẫn chưa được áp dụng vào thực tế. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo áp dụng Quy chế phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty, đồng thời xem xét, điều chỉnh Quy chế để hướng đến mục tiêu kích thích người lao động tăng năng suất lao động, hiệu quả công tác, qua đó đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi phương thức quản trị, điều hành và tái cơ cấu sản xuất của Công ty trong điều kiện Chủ đầu tư không áp dụng chỉ định thầu mà áp dụng đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện. Ban Kiểm soát ghi nhận trong Quý I/2020, Hội đồng quản trị đã phát hành văn bản số 64/DVKT-HĐQT ngày 8/4/2020 chỉ đạo hoàn thiện công tác đánh giá tập thể, cá nhân người lao động và báo cáo đánh giá việc thực hiện giao khoán lương tại các Chi nhánh. Đề nghị Hội đồng quản trị lưu tâm, giám sát việc thực hiện, đảm bảo hiệu lực thi hành đối với các nghị quyết/chỉ thị của Hội đồng quản trị;
- + Qua kiểm tra, kiểm soát các hoạt động thương mại tại Công ty cho thấy, các sai

sót, vướng mắc tại các Chi nhánh phát sinh chủ yếu theo hình thức mua sắm trực tiếp với các nội dung chính như: Nhà thầu không có tên trong danh sách đấu thầu, tiến độ đấu thầu không đảm bảo tuân thủ quy định về đăng báo công khai gói thầu.... Ban kiểm soát đánh giá những nội dung trên tuy không phù hợp với Quy chế mua sắm hiện hành tại Công ty nhưng phản ánh đúng thực trạng về yêu cầu cấp bách của hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa cũng như khả năng đáp ứng yêu cầu năng lực của các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại địa bàn của các Chi nhánh do vậy việc tuân thủ Quy chế đang làm hạn chế tính chủ động của các đơn vị trực thuộc. Mặt khác, về quy mô các gói thầu mua sắm trực tiếp theo Quy chế hiện hành (500 triệu đồng) cũng cần được đánh giá lại để đảm bảo tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh. Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị cân nhắc, xem xét sửa đổi nội dung này trong Quy chế mua sắm hiện hành.

2.2. Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

- Hạch toán điều chỉnh giảm giá trị hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính;
- Sắp xếp lại lao động gián tiếp theo vị trí, năng lực thực hiện công việc, tổ chức lại đội ngũ sản xuất trực tiếp theo tiêu chí linh hoạt, tinh gọn, hạn chế thuê lao động/dịch vụ bên ngoài;
- Xây dựng định biên lao động, xây dựng hệ thống thang, bảng lương;
- Triển khai rà soát, đánh giá lại các nguồn lực của Công ty;
- Thực hiện thành công việc tiết giảm chi phí, đảm bảo mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019.

Ban kiểm soát đánh giá, Ban Giám đốc đã xác định được trọng tâm và từng bước giải quyết những khó khăn hiện tại của đơn vị, bám sát vào chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Trong công tác chỉ đạo, điều hành có sự phân công tới từng phòng ban, bộ phận thực hiện với tiến độ cụ thể, gắn liền với sự giám sát, chỉ đạo của từng thành viên Ban Giám đốc. Tuy nhiên, một số công tác còn được triển khai chậm so với chỉ đạo của Hội đồng quản trị, kiến nghị của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Công tác rà soát, cập nhật hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ đã được Ban Kiểm soát khuyến nghị trong các báo cáo kiểm soát định kỳ năm 2019 nhưng đến tháng 12/2019, Ban điều hành mới có văn bản số 761/DVKT-TH ngày 10/12/2019 chỉ đạo các đơn vị, bộ phận triển khai thực hiện;
- Công tác đánh giá lại năng lực thi công của thiết bị sản xuất và phương án sử dụng đối với các thiết bị có tần suất sử dụng thấp là chủ trương chung của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã được nêu ra nhiều lần trong các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị nhưng tính đến thời điểm báo cáo, Ban kiểm soát chưa thu thập được văn bản liên quan đến việc triển khai các hoạt động này.

Đề nghị Ban điều hành lưu tâm, hoàn thiện công tác chỉ đạo điều hành.

3. Kiến nghị:

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc áp dụng các biện pháp hữu hiệu để đẩy nhanh quá trình nghiệm thu của các hợp đồng dịch vụ đã thực hiện để có cơ sở ghi nhận doanh thu/chi phí đúng kỳ kế toán theo quy định đồng thời đẩy nhanh công tác thu hồi vốn đối với các Hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa dài hạn tại các Nhà máy điện cũng như tại Formosa Hà Tĩnh, đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Ban Giám đốc có giải pháp kiểm soát sự suy giảm về nguồn nhân lực đối với bộ phận trực tiếp, đặc biệt là lao động kỹ thuật có tay nghề cao, đảm bảo năng lực sản xuất, thực hiện dịch vụ song song với việc xây dựng cơ chế đào tạo thực hành nội bộ phù hợp với điều kiện hiện có tại Công ty. Đồng thời có chế độ khuyến khích người lao động khi tham gia các thực hiện các hoạt động dịch vụ ngoài và/hoặc được điều động hỗ trợ, tăng cường;
- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc chỉ đạo hoàn thành công tác rà soát, đánh giá năng lực thiết bị thi công và công tác hoàn thiện, sửa đổi hệ thống văn bản quản lý nội bộ, đảm bảo tiến độ hoàn thành trong Quý II/2020;
- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành tăng cường năng lực quản lý của phòng chức năng Công ty đồng thời đẩy mạnh việc giám sát việc tuân thủ các quy định, quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành tại các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty;
- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc xác định tương quan giữa phát triển thị trường truyền thống (dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện của PV Power) với thị trường dịch vụ bên ngoài để định hướng phát triển theo đúng trọng tâm chiến lược của Công ty đồng thời cần đề cao công tác quản trị rủi ro trong kinh doanh nhất là trong môi trường cạnh tranh hiện nay.

IV. Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát 2020:

- **Công tác kiểm tra giám sát định kỳ:**
- + Kiểm tra, thẩm định báo cáo sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính: 1 lần/Quý;
- + Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh từng bộ phận:
 - Văn phòng Công ty: Trong Quý II/2020
 - Các chi nhánh/đơn vị trực thuộc: Từ tháng 7/2020 đến hết năm 2020;
- + Thẩm định Báo cáo Tài chính bán niên sau soát xét: Tháng 7/2020;
- + Thẩm định báo cáo sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm: Sau khi Công ty công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- **Kiểm tra đột xuất:** Khi phát hiện có hoạt động bất thường và/hoặc khi có đề nghị của cổ đông/nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định, theo Điều lệ, Luật hiện hành, Ban Kiểm soát sẽ lập kế hoạch cụ thể gửi Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc để thông báo kế hoạch thực hiện và hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát PV Power Services 2019, kính báo cáo các quý vị cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban GD Công ty (để biết);
- Lưu VT, BKS.

Đính kèm:

- Biểu đính kèm.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Hùng Anh

11/11/2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP
Năm 2019 - Sau kiểm toán**

Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
Giấy đăng ký kinh doanh số : 0102560459 ngày 17 tháng 10 năm 2019
Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ Kỹ thuật Điện
Địa chỉ, điện thoại, Fax : Tầng 7, Tòa nhà Hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2018	Thực hiện Năm 2019	So sánh với cùng kỳ
1	2	3	4	5	7
1	Tổng số doanh nghiệp	DN			
	- Doanh nghiệp có lãi	DN			
	- Doanh nghiệp hòa vốn	DN			
	- Doanh nghiệp lỗ	DN			
2	Tổng số lao động	người			
3	Số phải nộp ngân sách	tr. Đồng			
4	Tổng số vốn chủ sở hữu	tr. Đồng	187,418	184,823	99%
	Trong đó				
	- Vốn điều lệ	tr. Đồng	150,000	150,000	100%
	- Tổng số vốn của Tổng Công ty	tr. Đồng	76,500	76,500	100%
	- Lỗ lũy kế	tr. Đồng			
5	Tổng số nợ phải trả	tr. Đồng	2,801,317	288,474	10%
	Trong đó: Nợ quá hạn	tr. Đồng			
6	Tổng nợ phải thu	tr. Đồng	398,497	357,984	90%
	Trong đó: Nợ khó đòi	tr. Đồng			
7	Kết quả kinh doanh				
	- Doanh thu (không thuế)	tr. Đồng	306,327	214,902	70%
	- Lợi nhuận trước thuế	tr. Đồng	20,932	18,373	88%

BÁO CÁO
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2019
(Các chỉ tiêu tài chính cơ bản)

Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
Giấy đăng ký kinh doanh số : 0102560459 ngày 17 tháng 10 năm 2019
Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ Kỹ thuật Điện
Vốn điều lệ : 150.000 triệu đồng
Trong đó: Vốn Tổng Công ty : 76.500 triệu đồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	413,961,718,453	2,915,912,637,605
1	Tiền, tương đương tiền	110-BCĐKT	31,935,878,728	14,934,230,585
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	5,170,000,000	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	357,945,842,045	398,459,180,810
	Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		-	-
4	Hàng tồn kho	140-BCĐKT	18,909,997,680	2,494,703,391,287
5	Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT		7,815,834,923
II	Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	59,336,018,777	72,822,102,346
1	Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	37,860,000	37,860,000
2	Tài sản cố định	220-BCĐKT	27,579,229,469	38,114,582,752
	- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	27,445,835,843	37,932,729,730
	- Tài sản cố định thuê tài chính	224-BCĐKT	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	133,393,626	181,853,022
3	Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	-	-
4	Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT	-	-
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	5,040,000,000	5,040,000,000
	Trong đó: Dự phòng giảm giá			
6	Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	26,678,929,308	29,629,659,594
III	Nợ phải trả	300-BCĐKT	288,474,432,791	2,801,316,655,727
	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	286,551,610,632	2,799,323,986,072
	Trong đó: Nợ quá hạn		-	-
	Trong đó: Quỹ khen thưởng phúc lợi	322-BCĐKT	2,169,319,281	4,041,831,840
	Nợ dài hạn	330-BCĐKT	1,922,822,159	1,992,669,655
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	410-BCĐKT	184,823,304,439	187,418,084,224
1	Vốn chủ sở hữu	411-BCĐKT	150,000,000,000	150,000,000,000
	Trong đó: Vốn góp của PV-Power		76,500,000,000	76,500,000,000

1/8

2	Quỹ đầu tư phát triển	418 BCĐKT	20,686,994,576	20,686,994,576
3	Lợi nhuận chưa phân phối	421-BCĐKT	14,136,309,863	16,731,089,648
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ/Năm nay	Kỳ/Năm trước
V	Kết quả kinh doanh			
1	Tổng doanh thu		214,902,275,084	306,326,948,263
	- Doanh thu thuần từ về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	213,476,215,734	305,637,354,945
	- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	1,039,131,608	310,229,687
	- Thu nhập khác	31-BCKQKD	386,927,742	379,363,631
2	Tổng chi phí		196,529,409,745	285,394,761,667
	- Giá vốn		152,088,496,177	236,617,172,823
	- Chi phí tài chính		392,526,721	172,973,757
	- Chi phí bán hàng		-	-
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp		43,161,213,722	48,603,615,087
	- Chi phí khác		887,173,125	1,000,000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	18,372,865,339	20,932,186,596
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		4,330,583,356	4,238,888,250
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60-BCKQKD	14,042,281,983	16,693,298,346
VI	Các chỉ tiêu khác			
1	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		14,283,180,847	17,245,726,023
2	Trong đó: Các loại thuế			
	- Thuế GTGT		9,342,060,037	9,227,067,029
	- Thuế GTGT hàng nhập khẩu			1,693,751,531
	- Thuế nhập khẩu			781,974,367
	- Thuế TNDN		4,330,583,356	4,238,888,250
	- Thuế TNCN		603,537,454	1,298,044,846
	- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu			
	- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu			
	- Thuế môn bài			
	- Các loại thuế khác		7,000,000	6,000,000
3	Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		9.94%	11.17%
4	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)		156%	1495%
5	Tổng quỹ lương chi trong kỳ (tr.đ)		100,000	103,870
6	Số lao động bình quân		462	563
7	Thu nhập bình quân người/quý (tr.đ)		51	46